

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang;

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Huỳnh M, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Đỗ Huỳnh M trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà M và ông Hoàng A tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi kéo dài nên bà M và ông Hoàng A đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc và không

thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Hoàng A nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng A.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 02/9/2010 (nữ), hiện sống chung với bà M, khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con là Trần Khánh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì lớn nên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Hoàng A:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông Hoàng A không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà M. Đồng thời, ông Hoàng A gửi đến Tòa án Đơn đề nghị xét xử vắng mặt mà cũng không có trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà M.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Huỳnh M và bị đơn ông Trần Hoàng A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà M và ông Hoàng A tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Bà M xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi kéo dài nên bà M và ông Hoàng A đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà M và ông Hoàng A cũng không có gặp nhau để hàn gắn hôn nhân nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng A.

Xét thấy, bà M từ năm 2008 đến nay có sống chung như vợ chồng với ông Hoàng A mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, bà M và ông Hoàng A chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà M và ông Hoàng A không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Bà M xác định có 01 người con tên Trần Khánh N, sinh ngày 02/9/2010 (nữ), hiện sống chung với bà M, khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con là Trần Khánh N. Xét thấy, từ khi bà M và ông Hoàng A sống ly thân cho đến nay thì cháu N vẫn sống chung với bà M và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Trần Khánh N thì cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Trần Khánh N, sinh ngày 02/9/2010 (nữ) cho bà M nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Hoàng A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà M phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Huỳnh M và ông Trần Hoàng A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Đỗ Huỳnh M nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 02/9/2010 (nữ).

Ông Hoàng A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà M phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà M có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015292 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo